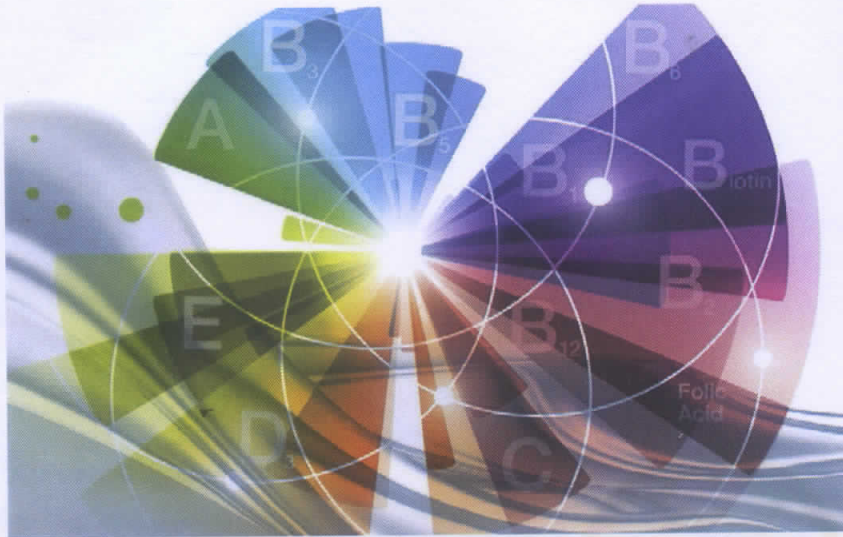


# CERNEVIT

Theo các khuyến cáo\*, tất cả bệnh nhân đang điều trị với dinh dưỡng tĩnh mạch nên được bổ sung một liều hàng ngày gồm các vitamin và nguyên tố vi lượng.<sup>1,2</sup>

\* Khuyến cáo về dinh dưỡng lâm sàng của Châu Âu và Mỹ (ESPEN và ASPEN)



## Thành phần của CERNEVIT

*30/11/2015*

Các chất	CERNEVIT
Retinol palmitate (Vitamin A, tương đương Retinol)	3500 IU
Cholecalciferol (Vitamin D)	220 IU
DL alpha-tocopherol (Vitamin E, tương đương alpha-tocopherol)	10,2 mg (11,2 IU)
Acid Ascorbic (Vitamin C)	125 mg
Cocarbocylase tetrahydrate (Vitamin B1, tương đương Thiamine)	5,8 mg (3,51 mg)
Riboflavin dihydrate sodium phosphate (Vitamin B2, tương đương Riboflavine)	5,67 mg (4,14 mg)
Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6, tương đương Pyridoxine)	5,5 mg (4,53 mg)
Cyanocobalamin (Vitamin B12)	0,006 mg
Folic acid (Vitamin B9)	0,414 mg
Dexpanthenol (Vitamin B5, tương đương Pantothenic acid)	16,15 mg (17,25 mg)
D-Biotin (Vitamin B7)	0,069 mg
Nicotinamide (Vitamin B3)	46 mg
<b>Các chất khác</b>	
Glycin	250 mg
Glycocholic acid	140 mg
Soybean lecithin	112,5 mg
Natri hydroxide+ hydrochloric acid	vừa đủ pH 5,9

IU: International units

### Tài liệu tham khảo:

- Singer P, et al. Clin Nutr 2009;28:387-400
- A.S.P.E.N. Board of Directors, et al. JPEN J Parenter Enteral Nutr 2002;26:15A-138SA

Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài liệu thông tin thuốc của Cục Quản lý dược - Bộ Y tế XXXX/XX/QLD-TT, ngày ... tháng ... năm ...  
 Ngày ... tháng ... năm ... in tài liệu  
 Tài liệu gồm 2 trang. Thông tin chi tiết sản phẩm xem trang 2.

CERNEVIT là hỗn hợp vitamin tổng hợp dùng để tiêm tĩnh mạch (IV).

CERNEVIT có chứa cả hai loại vitamin tan trong nước và tan trong dầu.

CERNEVIT được bào chế dưới dạng bột đông khô đựng trong một lọ đơn liều.

CERNEVIT cung cấp các vi chất dinh dưỡng cho bệnh nhân bằng đường truyền dinh dưỡng tĩnh mạch (PN).

CERNEVIT dùng cho người lớn và trẻ em 11 tuổi trở lên.

